TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26/7/2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH
THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Hoàng Văn THnh.**

* *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. **Ông Lê Đình Cự.**

2. **Bà Nguyễn Thị Là.**

* *Thư ký phiên tòa*: **Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh –** Thư ký Tòa án.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên toà:*

Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2018 về: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Kiều Minh T,** sinh năm 1992

HKTT: Tổ 1, Khu C, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 6, Khu 1, phường Cẩ, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

* *Bị đơn:* **Anh Mai Văn H,** sinh năm 1987

Trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình – Địa chỉ: xã Minh Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

(Chị T, anh H đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn xin ly hôn ngày 11/6/2018; Bản tự khai ngày 19/6/2018 chị Kiều Minh T nguyên đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Mai Văn H kết hôn ngày 21/02/2011 do tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối tháng 4/2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H không quan tâm đến gia đình, không

chăm sóc con cái, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, cờ bạc..... Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Văn H.

* *Về con chung:* Chị và anh H có 01 con chung là Mai Huy H1, sinh ngày 30/9/2011. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản:* Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 22/6/2018 anh Mai Văn H bị đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Anh kết hôn với chị Kiều Minh T ngày 21/02/2011 do tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối tháng 6/2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2015 đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý.

* *Về con chung:* Anh và chị T có 01 con chung là Mai Huy H1, sinh ngày 30/9/2011. Ly hôn anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con và không đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản:* Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay tài sản gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp Hnh pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn Tòa án đã gửi đầy đủ các tài liệu tố tụng và anh H đã có bản tự khai và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh H là đúng pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật xử cho chị Kiều Minh T được ly hôn anh Mai Văn H; Giao con Mai Huy H1, sinh ngày 30/9/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con và anh H cùng đồng ý để chị T nuôi con, chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị T và anh H không có tài sản chung, không vay nợ ại, không cho ai vay tài sản gì nên không đặt ra giải quyết; Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại lời khai và các biên bản hòa giải, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Đông Hưng, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản mà chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng pháp

luật. Chị T, anh H có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh H kết hôn ngày 21/02/2011 do tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường Cẩm S, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị T cho rằng anh H không quan tâm đến gia đình, không chăm sóc con cái, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, cờ bạc..... Anh H cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2015 đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh H nhất trí.

[2.1] Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H UBND xã Đ và cơ sở thôn A cung cấp như sau: Anh Mai Văn H, sinh năm 1987 có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. Chị T và anh H kết hôn năm 2011 do tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, quá trình vợ chồng chung sống mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ. Nay chị T xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T và anh H sinh sống chủ yếu ở Quảng Ninh, khi sinh con chị T, anh H đăng ký khai sinh tại Quảng Ninh và thỉnh thoảng có về thôn A, xã Đ nên địa phương không biết chị T, anh H có mấy con chung.

[2.2] Do anh H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, tuy nhiên chị T và anh H đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh H cũng đồng ý. HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã trầm trọng và không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T xin ly hôn anh H cũng đồng ý nên cần được chấp nhận theo yêu cầu của các đương sự, xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị T và anh H có 01 con chung Mai Huy H1, sinh ngày 30/9/2011, cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoàng và anh H đồng ý để chị T nuôi con vì hiện anh H cũng đang bị tạm giam không có điều kiện trông nom, chăm sóc con, chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản:* Chị T và anh H không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay tài sản gì nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị Kiều Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Kiều Minh T được ly hôn anh Mai Văn H.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Kiều Minh T trực tiếp nuôi con Mai Huy H1, sinh ngày 30/9/2011 và không yêu cầu anh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị T và anh H không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay tài sản gì nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Kiều Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007651 ngày 19/6/2018 tHnh tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Chị Kiều Minh T và anh Mai Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đông Hưng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường Cẩm Sơn, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

HOÀNG VĂN THNH